

BẢN XÁC NHẬN

Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình “Gói thầu số 12-XL: Thi công xây dựng đoạn Km301 + 000 - Km307 + 600, Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Xây dựng Đèo Cả tại Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình “Gói thầu số 12-XL: Thi công xây dựng đoạn Km301 + 000 - Km307 + 600, Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45 thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020” tại xã Hà Tân và xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5086/STNMT-TNKS ngày 24/6/2021.

XÁC NHẬN:

1. Khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp) trong diện tích dự án xây dựng công trình “Gói thầu số 12-XL: Thi công xây dựng đoạn Km301 + 000 - Km307 + 600, Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45 thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc

trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020” của Công ty cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

Khu vực khai thác có diện tích 8,981 ha, thuộc xã Hà Tân và xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung (Khu I thuộc xã Hà Tân, diện tích 3,483 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc từ 1 đến 6; Khu II thuộc xã Hà Lĩnh, diện tích 5,498 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc từ 1 đến 6) có tọa độ nêu tại Phụ lục 01 kèm theo.

2. Khối lượng được phép khai thác: 25.165 m³ (đắp vào khu vực có địa hình thấp của tuyến đường cao tốc).

3. Mức sâu khai thác: đến + 14,5 m (cao độ thấp nhất của khu vực khai thác).

4. Kế hoạch khai thác: Theo Phương án khai thác.

5. Thiết bị khai thác: Theo Phương án khai thác.

6. Thời gian khai thác: Kể từ ngày ký Bản xác nhận này đến hết ngày 07/01/2023.

7. Công ty cổ phần Xây dựng Đèo Cả có trách nhiệm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định của pháp luật.

- Khai thác khoáng sản theo đúng khối lượng, công suất, kế hoạch, phương pháp nêu trên;

8. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng đất nêu trên, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở để Công ty cổ phần Xây dựng Đèo Cả nộp tiền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Tổng Cục ĐC&KS (để b/c);
- Công ty CP Xây dựng Đèo Cả;
- UBND huyện Hà Trung;
- UBND các xã: Hà Tân, Hà Lĩnh;
- Lưu VT, CN_(T.m127).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC ĐẤT PHỤC VỤ DỰ ÁN XÂY
DỰNG CÔNG TRÌNH “GÓI THẦU SỐ 12-XL:THI CÔNG ĐOẠN KM301 + 000
– KM307 + 600, DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐOẠN MAI
SƠN-QUỐC LỘ 45”**

(Phụ lục kèm theo Bản xác nhận số /XN-UBND ngày tháng năm
2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Diện tích	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>Kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰</i>	
		X (m)	Y (m)
Khu I xã Hà Tân 3,483 ha	1	2215 853.78	582 508.27
	2	2215 794.39	582 613.07
	3	2215 859.19	582 688.14
	4	2216 004.97	582 729.09
	5	2216 056.20	582 648.56
	6	2215 926.07	582 514.30
Khu II xã Hà Lĩnh 5,498 ha	1	2215 045.90	581 982.89
	2	2215 298.65	582 104.03
	3	2215 373.65	582 187.71
	4	2215 300.15	582 302.30
	5	2215 213.17	582 262.40
	6	2214996.19	582 065.23
Tổng diện tích 8,981 ha			